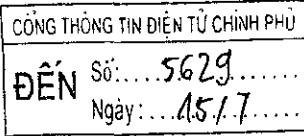


Số: 21/2013/QĐ-UBND

An Giang, ngày 05 tháng 7 năm 2013



QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Ban hành Quy chế quản lý, tổ chức thực hiện
các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh An Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 67/2011/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Ngoại vụ tại Tờ trình số 49/TTr-SNV ngày 11 tháng 6 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh An Giang.

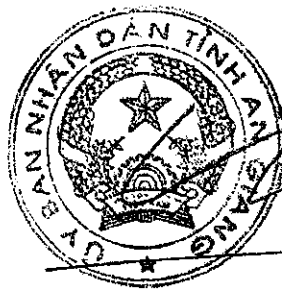
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Ngoại vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị, thành và các cơ quan, đơn vị có liên quan của tỉnh An Giang chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ Ngoại giao;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Cục Kiểm soát TTHC (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Website An Giang;
- TT. Tỉnh ủy, TT HĐND;
- Chủ tịch, Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UB Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Sở, Ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PTTH AG, Báo AG;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng: KT, VHXXH, TH, NC, KSTTHC;
- Trung tâm CB-TH (đăng công báo);
- Lưu: HC-TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vương Bình Thạnh

QUY CHẾ

**Quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động đối ngoại
trên địa bàn tỉnh An Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/2013/QĐ-UBND
ngày 05 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc quản lý, thẩm quyền quyết định và trách nhiệm tổ chức thực hiện các hoạt động đối ngoại của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang (UBND tỉnh), UBND các huyện, thị, thành, các sở, ban, ngành, các tổ chức, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh An Giang (gọi tắt là các cơ quan, đơn vị), nhằm thống nhất các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với tất cả hoạt động đối ngoại của các cơ quan, đơn vị có liên quan đến các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Nội dung của hoạt động đối ngoại

Hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh An Giang gồm các hoạt động được quy định tại Điều 2 Quyết định số 67/2011/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thống nhất quản lý các hoạt động đối ngoại của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 4. Áp dụng pháp luật

Hoạt động đối ngoại của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh An Giang áp dụng theo quy định của Quy chế này và các văn bản pháp luật liên quan của Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Quy chế này, thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 5. Nguyên tắc quản lý hoạt động đối ngoại

1. Bảo đảm tuân thủ các quy định của Hiến pháp và pháp luật; tôn trọng những điều ước quốc tế, tập quán và thông lệ quốc tế đã được Việt Nam công nhận, ký kết trong hoạt động đối ngoại.

2. Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của cơ quan các cấp ở địa phương; giữa trung ương và địa phương.

3. Phối hợp chặt chẽ giữa hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và ngoại giao nhân dân; giữa ngoại giao chính trị, ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hóa và công tác người Việt Nam ở nước ngoài; giữa hoạt động đối ngoại và hoạt động quốc phòng, an ninh; giữa thông tin đối ngoại và thông tin trong nước.

4. Hoạt động đối ngoại được thực hiện theo chương trình hàng năm đã được duyệt; bảo đảm nghiêm túc chế độ báo cáo, xin ý kiến theo quy định hiện hành.

5. Phân công, phân nhiệm rõ ràng, đề cao trách nhiệm và vai trò chủ động của cơ quan các cấp ở địa phương trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ đối ngoại theo quy định; bảo đảm sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động đối ngoại.

Chương II

THẨM QUYỀN VÀ VIỆC TRÌNH DUYỆT

CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI

Điều 6. Các nội dung, hoạt động đối ngoại của tỉnh trình Thủ tướng quyết định

Các nội dung, hoạt động đối ngoại của tỉnh cần trình Thủ tướng quyết định được quy định tại Chương II Điều 4 Quyết định số 67/2011/QĐ-TTg.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh

Bên cạnh những thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh được quy định tại Chương II Điều 5 Quyết định số 67/2011/QĐ-TTg, Chủ tịch UBND tỉnh được quyền:

1. Ủy quyền các nội dung đã được quy định tại Chương II Điều 5 Quyết định số 67/2011/QĐ-TTg cho các Phó Chủ tịch hay Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh. Việc ủy quyền được thực hiện bằng văn bản, trong đó xác định rõ phạm vi ủy quyền. Văn bản ủy quyền được gửi cho Bộ Ngoại giao, Bộ Công an và Bộ Nội vụ.

2. Quyết định các hoạt động đối ngoại phát sinh trong khuôn khổ quan hệ hợp tác giữa tỉnh An Giang với các tỉnh, thành phố, các đối tác nước ngoài đã được cấp có thẩm quyền (Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ) cho phép và phù hợp với chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước và qui định của pháp luật.

Điều 8. Xây dựng và trình duyệt chương trình hoạt động đối ngoại hàng năm

1. Hàng năm, vào đầu quý IV, các cơ quan, đơn vị gửi dự thảo chương trình hoạt động đối ngoại năm tiếp theo của đơn vị mình về Sở Ngoại vụ tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét để thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh vào kỳ họp cuối năm.

a) Hồ sơ chương trình hoạt động đối ngoại của từng đơn vị bao gồm:

Báo cáo kết quả thực hiện chương trình hoạt động đối ngoại trong năm (mẫu 01, 3a, 3b, 4a, 4b kèm theo).

Chương trình hoạt động đối ngoại năm tiếp theo (mẫu 02, 3a, 3b, 4a, 4b kèm theo).

b) Đối với các vấn đề phức tạp, nhạy cảm hoặc mang tính sự vụ, sự việc, các cơ quan, đơn vị cần tham khảo ý kiến của Sở Ngoại vụ và các cơ quan liên quan trước khi đưa vào chương trình hoạt động đối ngoại.

2. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm

a) Xem xét và góp ý đối với chương trình đối ngoại của các cơ quan, đơn vị, trình UBND tỉnh phê duyệt trước tuần cuối tháng 10 hàng năm.

b) Tổng hợp, xây dựng chương trình đối ngoại của tỉnh năm tiếp theo báo cáo UBND tỉnh xem xét, nghiên cứu trình Tỉnh ủy và được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua trước khi chính thức ban hành.

c) Đối với các vấn đề phức tạp, nhạy cảm, Sở sẽ xem xét, tham khảo ý kiến của Bộ Ngoại giao, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định trước khi đưa vào Chương trình hoạt động đối ngoại.

Điều 9. Trách nhiệm triển khai thực hiện chương trình hoạt động đối ngoại

1. Căn cứ vào chương trình hoạt động đối ngoại hàng năm đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm chủ động triển khai và thường xuyên rà soát việc tổ chức thực hiện. Sở Ngoại vụ là cơ quan chịu trách nhiệm tham mưu về quản lý nhà nước trong lĩnh vực công tác đối ngoại của địa phương; đồng thời là đơn vị đầu mối phối hợp với các cơ quan, đơn vị ngoại giao các cấp ở trung ương hỗ trợ các cơ quan, đơn vị trong tỉnh thực hiện công tác đối ngoại. Trong trường hợp có hoạt động phát sinh ngoài chương trình, các cơ quan, đơn vị cần chủ động trao đổi với Sở Ngoại vụ để thống nhất ý kiến đề xuất, trình UBND tỉnh quyết định.

2. Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, tổ chức, tham mưu UBND tỉnh thực hiện chương trình hoạt động đối ngoại hàng năm do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Chương III

QUẢN LÝ ĐOÀN RA, ĐOÀN VÀO VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Điều 10. Tổ chức và quản lý các đoàn cán bộ, công chức, viên chức ra nước ngoài

1. Việc cử hoặc cho phép cán bộ công chức, viên chức ra nước ngoài thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 136/2007/NĐ-CP của Chính phủ về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, Nghị định số 65/2012/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2012 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Quyết định số 01/2011/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2011 của UBND tỉnh An Giang về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Ngoại vụ tỉnh An Giang. Riêng Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh trở lên, hồ sơ phải có thêm văn bản đồng ý của Tỉnh ủy.

2. Sở Ngoại vụ chủ trì, hỗ trợ các đoàn đi công tác về các thủ tục đồng thời chủ động liên hệ, tham khảo trước ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác đối ngoại trên địa bàn tỉnh.

3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp có cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài chịu trách nhiệm về nhân sự được cử hoặc được đồng ý cho tham gia đoàn ra nước ngoài. Các cán bộ, công chức được cử đi công tác tuân thủ các qui định về pháp luật của nước sở tại (nơi đến công tác), đồng thời chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng hộ chiếu ngoại giao, công vụ của cá nhân mình.

Điều 11. Quản lý đoàn vào

1. Việc tiếp khách nước ngoài của lãnh đạo tỉnh

a) Căn cứ chương trình hoạt động đối ngoại được duyệt, Sở Ngoại vụ xây dựng kế hoạch cụ thể, tham mưu UBND tỉnh phối hợp chặt chẽ với Bộ Ngoại giao và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc đón tiếp các đoàn cấp cao nước ngoài theo quy định. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm tham mưu trực tiếp cho lãnh đạo tỉnh về nội dung và chương trình làm việc với đối tác nước ngoài. Đối với các đoàn nước ngoài liên hệ với Sở Ngoại vụ đề nghị được gặp gỡ, trao đổi với lãnh đạo tỉnh, Sở phải có văn bản trình lãnh đạo tỉnh nêu rõ các thông tin về đối tác, nội dung công việc....

b) Các cơ quan, đơn vị khác khi có yêu cầu lãnh đạo tỉnh tiếp khách nước ngoài cần trao đổi, thống nhất với Sở Ngoại vụ về nội dung công việc, lịch trình, bố trí tiếp đón,.... Sở Ngoại vụ chịu trách nhiệm trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch đón tiếp. Trường hợp khách nước ngoài yêu cầu đột xuất gặp lãnh đạo tỉnh, Sở Ngoại vụ hoặc cơ quan, đơn vị tiếp nhận yêu cầu có trách nhiệm ghi nhận, kịp thời báo cáo thường trực UBND tỉnh xin ý kiến và trả lời khách trong thời gian sớm nhất.

c) Căn cứ chương trình kế hoạch đối ngoại đã được phê duyệt, cơ quan, đơn vị đề nghị lãnh đạo tỉnh tiếp khách sẽ là đơn vị chủ trì, phối hợp với Sở Ngoại vụ, các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức buổi làm việc giữa lãnh đạo tỉnh và khách nước ngoài. Nội dung làm việc phải đảm bảo về chính trị, an ninh quốc gia, hiệu quả kinh tế, lễ tân đối ngoại,.... Nội dung làm việc cần gửi lãnh đạo tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan ít nhất 02 (hai) ngày trước khi buổi tiếp diễn ra. Văn phòng UBND tỉnh có thư mời đến các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan tham dự buổi tiếp của lãnh đạo tỉnh. Các cơ quan, đơn vị được mời có trách nhiệm cử cán bộ tham gia buổi tiếp khách.

d) Lưu trữ và trưng bày các quà tặng tập thể trong phòng truyền thống của UBND tỉnh.

2. Việc tiếp khách nước ngoài của các cơ quan, đơn vị và tổ chức trong tỉnh được thực hiện theo các quy định tại Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2012 của UBND tỉnh An Giang về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Ngoại vụ tỉnh An Giang.

a) Đối với các đoàn là đại diện các cơ quan ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài, Sở Ngoại vụ là đầu mối tham mưu UBND tỉnh về chương trình, nội dung tiếp và làm việc với đoàn. Các cơ quan, đơn vị chỉ được tiếp và làm việc với các đoàn là đại diện các cơ quan ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài khi có ý kiến cho phép của UBND tỉnh.

b) Đối với các đoàn khách nước ngoài hoạt động về tôn giáo, dân tộc, nhân quyền hoặc nội dung làm việc liên quan đến các lĩnh vực nêu trên, các cơ quan, đơn vị và tổ chức phải thông báo ngay đến Sở Ngoại vụ, Công an tỉnh và UBND tỉnh, không được tự ý tiếp, làm việc, trao đổi văn bản qua lại khi chưa có ý kiến của UBND tỉnh.

c) Các cơ quan, đơn vị và tổ chức khi làm việc với các đoàn nước ngoài phải thực hiện theo đúng nội dung, chương trình làm việc như đã thông báo và được sự cho phép của UBND tỉnh. Trường hợp thay đổi chương trình làm việc, phải báo cáo kịp thời cho UBND tỉnh thông qua và phải trao đổi ngay với Sở Ngoại vụ và Công an tỉnh để được hỗ trợ.

d) Sở Ngoại vụ có trách nhiệm hướng dẫn các cơ quan, đơn vị và tổ chức về thủ tục mời, đón tiếp, quản lý khách nước ngoài theo quy định.

đ) Sau khi làm việc với các đoàn khách nước ngoài, trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc, đơn vị chủ trì tiếp khách có trách nhiệm báo cáo đầy đủ các nội dung, thông tin, tư liệu, hình ảnh,... cho UBND tỉnh thông qua Sở Ngoại vụ để tổng hợp và quản lý theo chức năng quy định.

e) Công tác phiên dịch: Sở Ngoại vụ chịu trách nhiệm biên, phiên dịch cho lãnh đạo tỉnh. Các cơ quan, đơn vị tự xây dựng đội ngũ cán bộ biên, phiên dịch chuyên ngành để đảm bảo tính chuyên môn hóa và chuẩn xác cao. Trường hợp cần sự hỗ trợ của Sở Ngoại vụ thì các cơ quan, đơn vị có văn bản đề nghị và trao đổi với Sở Ngoại vụ về nội dung buổi tiếp và thanh toán chi phí theo các quy định hiện hành.

g) Kinh phí

Kinh phí đón tiếp khách nước ngoài thực hiện theo Quyết định số 62/2010/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2010 của UBND tỉnh An Giang. Trong trường hợp cần thiết, các cơ quan, đơn vị báo cáo, xin ý kiến UBND tỉnh.

h) Tuyên truyền và đưa tin

Các cơ quan, đơn vị đề nghị tiếp đoàn phối hợp với Sở Ngoại vụ và cơ quan truyền thông của Trung ương và địa phương tổ chức đưa tin kịp thời về các đoàn khách đến thăm và làm việc với lãnh đạo tỉnh. Đối với những đoàn có tính chất phức tạp và nhạy cảm thì phải báo cáo lãnh đạo tỉnh xin ý kiến về mức độ và nội dung đưa tin.

i) Nghi thức tổ chức đón tiếp các đoàn khách nước ngoài

Sở Ngoại vụ là cơ quan chủ trì tham mưu cho Lãnh đạo tỉnh trong công tác lễ tân đối ngoại của tỉnh. Căn cứ vào các quy định của Nhà nước cũng như các tập quán quốc tế về lễ tân ngoại giao, Sở Ngoại vụ đề xuất xây dựng hoặc bổ sung Quy chế tổ chức đón tiếp các đoàn khách quốc tế của tỉnh sao cho phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 12. Quản lý hoạt động của tổ chức, cá nhân người nước ngoài trên địa bàn tỉnh

1. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm:

a) Phối hợp với các sở, ban, ngành chức năng xử lý các tình huống phát sinh liên quan đến tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

b) Là đầu mối trực tiếp làm việc với các cơ quan đại diện ngoại giao hoặc tổ chức nước ngoài có công dân, pháp nhân và Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh, Cục Lãnh sự - Bộ Ngoại giao trong công tác lãnh sự trên địa bàn tỉnh.

c) Báo cáo UBND tỉnh và phối hợp với Bộ Ngoại giao giải quyết các vấn đề phát sinh từ hoạt động của các cơ quan lãnh sự nước ngoài, từ hoạt động trên địa bàn mở rộng lãnh sự, hoặc hoạt động của các văn phòng đại diện của tổ chức quốc tế được hưởng chế độ ưu đãi, miễn trừ do Bộ Ngoại giao quản lý.

2. Công an tỉnh có trách nhiệm:

a) Chủ trì giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

b) Định kỳ 6 tháng, hàng năm tổng hợp, thống kê báo cáo UBND tỉnh về tình hình người nước ngoài nhập xuất cảnh, người nước ngoài tạm trú dài hạn làm ăn, sinh sống, công tác, học tập, kinh doanh, đầu tư tại tỉnh An Giang.

3. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Ban quản lý các khu kinh tế, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công thương tổng hợp, báo cáo hàng quý cho UBND tỉnh danh sách, số lượng, tình hình sử dụng lao động nước ngoài của các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị quản lý, hướng dẫn các tổ chức, doanh nghiệp có sử dụng lao động nước ngoài thực hiện việc quản lý, sử dụng lao động nước ngoài theo đúng quy định của Nhà nước.

4. Tất cả các cơ quan, đơn vị khác trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm cung cấp thông tin, phối hợp với Sở Ngoại vụ và Công an tỉnh trong công tác quản lý hoạt động của tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân mời người nước ngoài vào Việt Nam làm việc, thăm thân nhân, du lịch phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam và các văn bản pháp luật khác.

Chương IV

QUẢN LÝ CÁC HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC, GIAO LƯU VỚI NƯỚC NGOÀI; TỔ CHỨC KÝ KẾT VÀ THỰC HIỆN CÁC THỎA THUẬN QUỐC TẾ

Điều 13. Các hoạt động hợp tác, giao lưu với nước ngoài về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội

1. Sở Ngoại vụ là cơ quan đầu mối, phối hợp các cơ quan, đơn vị tham mưu UBND tỉnh tổ chức các hoạt động giao lưu với các tổ chức, cá nhân nước ngoài về chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học, giáo dục, y tế, du lịch, thể dục thể thao và các hoạt động đối ngoại nhân dân khác.

2. Các cơ quan, đơn vị căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chủ động thực hiện các hoạt động đối ngoại có liên quan đến lĩnh vực cơ quan, đơn vị mình phụ trách; phối hợp với Sở Ngoại vụ để được hướng dẫn các thủ tục, nghi thức và sự hỗ trợ cần thiết; báo cáo kết quả hoạt động cho UBND tỉnh An Giang (thông qua Sở Ngoại vụ).

Điều 14. Thẩm quyền quyết định ký kết thỏa thuận quốc tế

Chủ tịch UBND tỉnh quyết định việc ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh UBND tỉnh theo các quy định tại Điều 15, Điều 16 của Pháp lệnh số 33/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế.

Điều 15. Trình tự và thủ tục tiến hành ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh UBND tỉnh

1. Việc ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh UBND tỉnh được tiến hành trong các trường hợp sau:

a) Xuất phát từ nhu cầu hợp tác quốc tế của UBND tỉnh trong quá trình hoạt động theo thẩm quyền được giao.

b) Xuất phát từ kế hoạch đối ngoại hàng năm đã được phê duyệt.

2. Sở Ngoại vụ phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thiện Dự thảo thỏa thuận quốc tế nhân danh UBND tỉnh, xin ý kiến Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành quản lý lĩnh vực ký kết trong thời gian sớm nhất.

3. Chủ tịch UBND tỉnh đàm phán, ký hoặc ủy quyền cho Phó chủ tịch UBND tỉnh đàm phán, ký sau khi có ý kiến trả lời thống nhất bằng văn bản của Bộ Ngoại giao và bộ, ngành Trung ương liên quan.

4. Trường hợp Bộ Ngoại giao và bộ, ngành có ý kiến khác nhau hoặc khác với ý kiến của địa phương, cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo thỏa thuận quốc tế có trách nhiệm dự thảo văn bản của UBND tỉnh xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại khoản 4, Điều 16 Pháp lệnh số 33/2007/PL-UBTVQH11. Ý kiến của Thủ tướng Chính phủ là căn cứ để Chủ tịch UBND tỉnh quyết định và tiến hành ký kết thỏa thuận quốc tế.

5. Sau khi ký kết thỏa thuận quốc tế, UBND tỉnh có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Ngoại giao bản sao thỏa thuận quốc tế đã được ký kết để thông báo theo khoản 5, Điều 16 Pháp lệnh số 33/2007/PL-UBTVQH11.

Điều 16. Trình tự xin phép và thủ tục tiến hành ký kết thỏa thuận quốc tế của ngành, địa phương, cơ quan thuộc tỉnh

1. Khi có nhu cầu ký kết thỏa thuận quốc tế về những vấn đề thuộc thẩm quyền và lĩnh vực quản lý chuyên ngành được giao, các cơ quan, đơn vị cần trao đổi và có sự thống nhất bằng văn bản với Sở Ngoại vụ trước khi trình UBND tỉnh quyết định.

2. Văn bản trình UBND tỉnh xin phép ký kết thỏa thuận quốc tế phải nêu rõ yêu cầu, mục đích của việc ký kết, nội dung chính của thỏa thuận, đánh giá tác

động của thỏa thuận về mặt chính trị, kinh tế, xã hội và các tác động khác và phải đính kèm dự thảo hoàn chỉnh.

3. Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt, các cơ quan, đơn vị tiến hành ký kết và gửi bản sao về cho Sở Ngoại vụ tổng hợp.

Điều 17. Sửa đổi bổ sung gia hạn, đình chỉ, tạm đình chỉ và chấm dứt hiệu lực của thỏa thuận quốc tế

Người có thẩm quyền quyết định ký kết thỏa thuận quốc tế có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc chấm dứt thỏa thuận quốc tế đó theo các quy định của pháp luật.

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong việc ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế

1. Sở Ngoại vụ phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức xem xét, thẩm định nội dung của các thỏa thuận quốc tế của ngành, địa phương, cơ quan thuộc tỉnh theo đúng các quy định của Nhà nước.

2. Sở Ngoại vụ là đơn vị chịu trách nhiệm lưu trữ bản gốc của các thỏa thuận quốc tế cấp tỉnh. Các thỏa thuận quốc tế của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh ký kết thì do cơ quan, đơn vị đó chịu trách nhiệm lưu bản gốc và phải gửi 01 (một) bản sao cho Sở Ngoại vụ lưu.

3. Các cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được giao thực hiện các quy định về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế.

4. Định kỳ vào ngày 15 tháng 10 hàng năm, các cơ quan, đơn vị và tổ chức có liên quan trong việc thực hiện các thỏa thuận quốc tế trên địa bàn có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Ngoại vụ) về việc thực hiện thỏa thuận quốc tế, định hướng công tác thực hiện các thỏa thuận đã ký và kế hoạch ký kết trong năm tiếp theo (nếu có). Báo cáo cần nêu rõ những khó khăn, thuận lợi và kiến nghị những biện pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả việc hợp tác và thực hiện nghiêm chỉnh các thỏa thuận quốc tế.

5. Định kỳ vào ngày 10 tháng 11 hàng năm, Sở Ngoại vụ có trách nhiệm tổng hợp báo cáo của các cơ quan, đơn vị về việc ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế trên địa bàn trình UBND tỉnh xem xét, duyệt ký báo cáo gửi Bộ Ngoại giao và các cơ quan trung ương liên quan.

Chương V

**CÔNG TÁC NGOẠI GIAO KINH TẾ, NGOẠI GIAO VĂN HÓA,
VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ, CÔNG TÁC VỀ NGƯỜI VIỆT NAM Ở
NƯỚC NGOÀI**

Điều 19. Công tác ngoại giao kinh tế

1. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm:

a) Tham mưu UBND tỉnh phối hợp với Bộ Ngoại giao, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài ở Việt Nam và các cơ quan liên quan, đẩy mạnh công tác ngoại giao kinh tế và nâng cao năng lực hội nhập kinh tế

quốc tế; chủ động đưa nội dung kinh tế vào các hoạt động đối ngoại; trực tiếp tham gia công tác xúc tiến thương mại, đầu tư và du lịch.

b) Tham mưu UBND tỉnh trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình Ngoại giao kinh tế hàng năm (tùy theo điều kiện thực tế có thể tách riêng hoặc lồng ghép vào chương trình đối ngoại hàng năm của tỉnh).

c) Đề nghị cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan thương vụ, kinh tế của Việt Nam ở nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài ở Việt Nam thẩm tra, xác minh các đối tác, tổ chức nước ngoài khi cần thiết. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức gặp gỡ định kỳ, đột xuất giữa chính quyền tỉnh và các doanh nghiệp có vốn FDI trên địa bàn tỉnh để kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư theo chuyên đề và lĩnh vực đầu tư.

d) Sở Ngoại vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị xem xét, có ý kiến về nội dung phiên dịch từ các ngôn ngữ nước ngoài sang tiếng Việt và ngược lại đối với các văn bản của UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

a) Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội phù hợp với đặc điểm của địa phương, bảo đảm tính liên ngành, liên vùng và tối ưu hóa lợi thế của tỉnh.

b) Là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), viện trợ của các tổ chức phi chính phủ (NGO) và cá nhân nước ngoài theo quy định pháp luật hiện hành. Trực tiếp quản lý các dự án có vốn FDI ngoài khu công nghiệp.

3. Ban Quản lý các khu kinh tế có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành chức năng hoàn thiện cơ sở hạ tầng và các dịch vụ hỗ trợ đầu tư trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Trực tiếp tổ chức xúc tiến, mời gọi, lựa chọn, tiếp nhận, ký kết và thực hiện quản lý các dự án FDI trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Công Thương có trách nhiệm:

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tổ chức triển khai các hoạt động về lĩnh vực hợp tác thương mại quốc tế gắn với các nhiệm vụ được phân công trong chương trình ngoại giao kinh tế hàng năm của tỉnh.

5. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch có trách nhiệm:

Tổ chức các hoạt động quảng bá và xúc tiến du lịch gắn với các nhiệm vụ được phân công trong chương trình ngoại giao kinh tế hàng năm của tỉnh.

6. Trung tâm Xúc tiến Thương Mại và Đầu tư có trách nhiệm:

Thực hiện công tác xúc tiến theo chức năng nhiệm vụ được phân công, trong đó tăng cường xúc tiến giúp tỉnh đẩy mạnh quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư.

Điều 20. Công tác ngoại giao văn hóa

1. Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch có trách nhiệm:

a) Xây dựng chương trình ngoại giao văn hóa trên cơ sở nhấn mạnh vai trò xúc tác, mở đường của ngoại giao văn hóa.

b) Tham mưu lồng ghép công tác ngoại giao văn hóa vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; lồng ghép hoạt động ngoại giao văn hóa trong quá trình triển khai các Chương trình, Đề án, Kế hoạch,... hoạt động của ngành nhằm tạo tính cộng hưởng trong các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

c) Thực hiện các chương trình triển lãm văn hóa nghệ thuật, giao lưu biểu diễn nghệ thuật, thể thao với các vùng, tỉnh, thành phố nước ngoài, trong đó tập trung với các nước có nhiều nhà đầu tư và các đối tác cấp địa phương có quan hệ, có tiềm năng hợp tác với tỉnh An Giang; tổ chức các đoàn thể thao đi thi đấu chính thức, thi đấu giao lưu, tập huấn ở nước ngoài.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Ngoại vụ tổ chức, thực hiện các hoạt động giao lưu văn hóa quốc tế trên địa bàn tỉnh cũng như giới thiệu các đặc trưng văn hóa đặc sắc của tỉnh đến với công chúng quốc tế.

2. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm:

a) Phối hợp chặt chẽ với Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch trong việc xây dựng chương trình ngoại giao văn hóa; nghiên cứu, kiến nghị tổ chức các hoạt động văn hóa mang tính đặc thù địa phương ra ngoài tỉnh và ra nước ngoài một cách có hiệu quả, tiết kiệm, thiết thực, có trọng điểm, phù hợp với đối tượng xúc tiến, nhằm tranh thủ các điều kiện hợp tác trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị và xã hội, lồng ghép nhuần nhuyễn hoạt động ngoại giao chính trị, kinh tế với ngoại giao văn hóa, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa của nước sở tại vào Việt Nam.

b) Tham mưu chuẩn hóa nghi lễ khánh tiết tại các cơ quan nhà nước, chuẩn hóa văn hóa giao tiếp mang bản sắc An Giang khi ra nước ngoài, chuẩn hóa quà tặng đối ngoại nhằm quảng bá, giới thiệu những nét đặc trưng về văn hóa của tỉnh An Giang - Việt Nam.

c) Chủ trì cung cấp thông tin văn hóa đối ngoại bằng tiếng nước ngoài cho các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và cơ quan đại diện nước ngoài ở Việt Nam.

3. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị xã hội có trách nhiệm gắn các hoạt động ngoại giao văn hóa trong quá trình triển khai các hoạt động đối ngoại nhân dân.

Điều 21. Công tác vận động và quản lý viện trợ phi chính phủ

1. Sở Ngoại vụ thực hiện quản lý nhà nước các dự án viện trợ của các tổ chức phi chính phủ và cá nhân nước ngoài theo quy định pháp luật hiện hành. Tiếp nhận đăng ký hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài triển khai dự án trên địa bàn tỉnh theo các quy định của Chính phủ về đăng ký và quản lý hoạt động của các Tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam.

2. Thực hiện nghiêm túc Nghị định số 12/2012/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam và Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thực hiện có liên quan. Điều phối quản lý vốn ODA và dự án viện trợ NGO; hướng dẫn các ngành xây dựng danh mục và nội dung các chương trình sử dụng vốn ODA, các dự án viện trợ NGO.

3. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị làm đầu mối chịu trách nhiệm về công tác xúc tiến vận động các dự án viện trợ của các tổ chức phi chính phủ và cá nhân nước ngoài tại địa phương.

Điều 22. Công tác về người Việt Nam ở nước ngoài

1. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng tham mưu UBND tỉnh trong công tác về người Việt Nam ở nước ngoài; chủ trì nghiên cứu, đánh giá công tác về người Việt Nam ở nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Công an tỉnh, các cơ quan, đơn vị nắm tình hình về người Việt Nam ở nước ngoài tham mưu cho UBND tỉnh đề xuất và xây dựng các chính sách liên quan đến công tác này với Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài (Bộ Ngoại giao).

c) Hướng dẫn việc thực hiện chính sách của nhà nước đối với người Việt Nam ở nước ngoài; tuyên truyền, vận động người Việt Nam ở nước ngoài và thân nhân của họ tham gia vào công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế của địa phương.

2. Công an tỉnh có trách nhiệm:

a) Quản lý công tác nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người Việt Nam ở nước ngoài tại tỉnh theo đúng các quy định của Nhà nước.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Ngoại vụ phân loại, định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh số liệu liên quan đến người Việt Nam ở nước ngoài.

c) Đảm bảo về mặt an ninh nhằm tạo điều kiện cho người Việt Nam ở nước ngoài yên tâm đầu tư, làm ăn tại tỉnh.

d) Phối hợp Sở Ngoại vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan xác minh các thông tin cần thiết để phục vụ cho việc giải quyết thủ tục hồi hương, xác nhận nguồn gốc Việt Nam, kết hôn với người Việt Nam trong nước và phục vụ cho công tác vận động kiều bào.

3. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể có liên quan đến công tác về người Việt Nam ở nước ngoài nắm danh sách, tình hình đời sống, tâm tư nguyện vọng, tổ chức các hoạt động giao lưu, gắn kết người Việt Nam ở nước ngoài với chính quyền, đoàn thể địa phương nhằm vận động, đóng góp xây dựng cho quê hương nói chung, tỉnh An Giang nói riêng.

4. Các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện nghiêm túc các chính sách hiện hành về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài.

Chương VI

THÔNG TIN TUYÊN TRUYỀN ĐỐI NGOẠI VÀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN, BÁO CHÍ CỦA PHÒNG VIÊN NƯỚC NGOÀI TẠI ĐỊA PHƯƠNG

Điều 23. Công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại

1. Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh. Chủ trì phối hợp với Sở Ngoại vụ và các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch thông tin đối ngoại của tỉnh năm tiếp theo trình UBND tỉnh xem xét trước quý IV hàng năm.

2. Sở Ngoại vụ phân tích, tổng hợp các thông tin về tình hình chính trị, an ninh, kinh tế quốc tế và khu vực có tác động đến địa phương và các hoạt động đối ngoại của tỉnh; báo cáo và đề xuất UBND tỉnh phương hướng và giải pháp thực hiện; tổ chức biên tập, cung cấp thông tin liên quan đến các hoạt động đối ngoại của tỉnh cho các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài theo các quy định hiện hành. Cung cấp kịp thời cho Bộ Ngoại giao thông tin về những vấn đề của địa phương để phục vụ trả lời phỏng vấn của lãnh đạo cấp cao và họp báo quốc tế.

3. Đài Phát thanh và Truyền hình An Giang, Báo An Giang xây dựng và thực hiện chương trình, chuyên mục tuyên truyền đối ngoại, các nội dung hợp tác, trao đổi về nghiệp vụ phát thanh, truyền hình và báo chí với các đối tác nước ngoài; đưa tin tuyên truyền kịp thời các hoạt động đối ngoại của các cơ quan, đơn vị, các đoàn quốc tế tại địa phương.

4. Các cơ quan, đơn vị phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện các quy định về việc quản lý, đẩy mạnh công tác tuyên truyền đối ngoại phục vụ ổn định an ninh chính trị, phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

Điều 24. Quản lý hoạt động thông tin, báo chí của phóng viên nước ngoài, các cơ quan, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam

1. Sở Ngoại vụ chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Vụ Thông tin Báo chí - Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan trong việc đón tiếp, hướng dẫn và quản lý các hoạt động thông tin, báo chí của phóng viên nước ngoài tại địa phương theo quy định tại Nghị định 88/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam. Tham mưu UBND tỉnh trao đổi, phối hợp với Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan trong việc mời, đón các hãng thông tấn và phóng viên nước ngoài thăm, phỏng vấn các đồng chí lãnh đạo Đảng và chính quyền tỉnh.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Ngoại vụ và các cơ quan liên quan quản lý, giám sát chặt chẽ việc tuân thủ các quy định của nhà nước

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về hoạt động báo chí, lịch trình, địa điểm và nội dung của các đoàn phóng viên quốc tế.

Chương VII

CÔNG TÁC QUẢN LÝ VỀ BIÊN GIỚI LÃNH THỔ QUỐC GIA

Điều 25. Công tác quản lý nhà nước về biên giới

1. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm:

a) Thực hiện tốt việc tham mưu cho UBND tỉnh trong công tác quản lý nhà nước về biên giới, phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh theo dõi, nắm tình hình biên giới, các vụ việc như: xâm canh, xâm cư, vi phạm quy chế biên giới, tình hình liên quan đến an ninh, trật tự trên biên giới; kịp thời trao đổi thông tin với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và thống nhất tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo, giải quyết.

b) Thông báo, trao đổi với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh về tình hình các đoàn khách là người nước ngoài và chính quyền các tỉnh Campuchia sang làm việc với lãnh đạo tỉnh để Bộ đội Biên phòng hỗ trợ, tạo điều kiện qua lại cửa khẩu được thuận tiện.

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật để nâng cao ý thức pháp luật về biên giới, lãnh thổ và trách nhiệm của quần chúng nhân dân tham gia quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

2. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng có trách nhiệm:

a) Tổ chức tuần tra, kiểm soát, bảo vệ biên giới, kịp thời nắm bắt tình hình xảy ra có liên quan đến biên giới lãnh thổ, thông báo cho Sở Ngoại vụ những thông tin về tình hình có liên quan đến biên giới lãnh thổ, tình hình xâm canh, xâm cư, vi phạm quy chế biên giới và thống nhất nội dung báo cáo tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo, giải quyết.

b) Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các đoàn nước ngoài, đoàn của Campuchia đến làm việc với lãnh đạo tỉnh; các Đội phân giới cắm mốc của tỉnh và các Đội phân giới cắm mốc của Campuchia qua lại biên giới, cửa khẩu và đi khảo sát song phương trên biên giới.

3. Công an tỉnh có trách nhiệm:

Phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng trao đổi tình hình; thống nhất chủ trương chỉ đạo đấu tranh phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác về an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới.

4. Các huyện, thị xã biên giới có trách nhiệm:

a) Theo dõi, tổng hợp, báo cáo tình hình quản lý dân cư trên địa bàn biên giới và các mối quan hệ hữu nghị, hợp tác phát triển với các địa phương giáp biên theo chương trình kế hoạch được hai bên ký kết tại các cuộc họp định kỳ.

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện quan hệ đối ngoại với chính quyền địa phương nước láng giềng theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế về biên giới.

c) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về biên giới quốc gia.

5. Các hoạt động tuần tra, kiểm tra an ninh; kiểm tra hàng hóa; kiểm dịch y tế, kiểm dịch động vật, thực vật có liên quan đến ngành Biên phòng, Hải quan, Y tế, Nông nghiệp,... thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành của từng ngành và liên ngành tại cửa khẩu và biên giới.

Điều 26. Hợp tác với các địa phương giáp biên giới

Sở Ngoại vụ có trách nhiệm:

1. Xây dựng kế hoạch tăng cường hợp tác hữu nghị với các tỉnh giáp biên của Vương Quốc Campuchia.

2. Theo dõi việc thực hiện và đề xuất hướng hợp tác.

3. Chuẩn bị nội dung làm việc của lãnh đạo tỉnh với các tỉnh giáp biên của Vương Quốc Campuchia.

Điều 27. Công tác phân giới, cắm mốc trên địa bàn tỉnh

1. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm:

a) Là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo phân giới cắm mốc của tỉnh; chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan xây dựng phương án, kế hoạch và tổ chức khảo sát đơn phương, song phương.

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện công tác phân giới, cắm mốc theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo phân giới cắm mốc tỉnh và Ban Chỉ đạo phân giới cắm mốc Chính phủ.

2. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng có trách nhiệm:

Phối hợp với Sở Ngoại vụ trong công tác phân giới cắm mốc biên giới, hướng dẫn và đảm bảo an toàn cho các đoàn khảo sát của tỉnh và của Trung ương đi khảo sát các khu vực phát triển kinh tế biên giới của tỉnh: khu vực các cửa khẩu, khu kinh tế, các khu dân cư biên giới và các đoàn công tác phân giới cắm mốc.

3. Công an tỉnh có trách nhiệm:

Phối hợp với Sở Ngoại vụ trong công tác nắm tình hình xâm canh, xâm cư, tranh chấp đất đai trên tuyến biên giới, phân giới cắm mốc, tình hình tội phạm trên khu vực biên giới để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, giải quyết.

4. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và Công an tỉnh ngoài việc thực hiện đúng chức trách được giao trong công tác phân giới, cắm mốc trên địa bàn tỉnh cần nghiên cứu áp dụng Nghị định số 34/2000/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước CHXHCN Việt Nam và Quyết định số 712/2001/QĐ-UB ngày 17 tháng 5 năm 2001 của UBND tỉnh An Giang ban hành quy định cụ thể thực hiện Nghị định 34 của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan trong việc tham mưu,

đề xuất các ngành, các cấp giải quyết có hiệu quả các vụ xâm canh, xâm cư hoặc mâu thuẫn, xích mích giữa hai bên biên giới.

Điều 28. Chế độ thông tin, báo cáo

Định kỳ 6 tháng, năm và trường hợp đột xuất, các sở, ban ngành UBND huyện, thị biên giới gửi báo cáo về tình hình hoạt động liên quan đến công tác quản lý biên giới và kết quả hợp tác với địa phương giáp biên để Sở Ngoại vụ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Chương VIII

QUẢN LÝ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI KHÁC

Điều 29. Tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế

1. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp các cơ quan, tổ chức liên quan tham mưu UBND tỉnh hoặc quyết định theo ủy quyền của UBND tỉnh việc tổ chức, quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế theo các quy định của Chính phủ; tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh, báo cáo Bộ Ngoại giao tình hình tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại tỉnh sau khi kết thúc hoạt động hoặc theo định kỳ.

2. Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp với Sở Ngoại vụ hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện việc tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế theo quy định.

3. Các cơ quan, đơn vị tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế phải chấp hành nghiêm túc quyết định cho phép hội thảo, hội nghị về thời gian, địa điểm, quy mô, khách mời, nội dung tổ chức. Kết thúc hội nghị, hội thảo có báo cáo gửi về UBND tỉnh (thông qua Sở Ngoại vụ).

4. Đối với các hội nghị, hội thảo có yếu tố nước ngoài phát sinh đột xuất, thuộc diện phải lấy ý kiến bằng văn bản của các bộ, cơ quan liên quan theo các quy định của Chính phủ, nhưng không có tính chất phức tạp, nhạy cảm, UBND tỉnh chủ động quyết định thực hiện và báo cáo Bộ Ngoại giao sau khi kết thúc hoạt động.

Điều 30. Tiếp nhận các hình thức khen thưởng của nhà nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài tặng. Kiến nghị tặng, xét tặng các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, cấp tỉnh cho những tập thể, cá nhân người nước ngoài đã và đang làm việc tại địa phương có thành tích xuất sắc được địa phương công nhận

Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tham mưu UBND tỉnh việc tiếp nhận huân chương, huy chương hoặc các hình thức khen thưởng khác của nhà nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài tặng; kiến nghị tặng, xét tặng các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, cấp tỉnh cho những tập thể, cá nhân người nước ngoài đã và đang làm việc tại địa phương có thành tích xuất sắc được địa phương công nhận.

Điều 31. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức đối ngoại

1. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm xây dựng kế hoạch bồi dưỡng theo Đề án bồi dưỡng nghiệp vụ đối ngoại, ngoại ngữ và biên phiên dịch cho công chức ngoại vụ địa phương theo Quyết định số 2375/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, trình UBND tỉnh phê duyệt để thực hiện; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác đối ngoại của địa phương.

2. Sở Nội vụ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Ngoại vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu giúp UBND tỉnh xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác đối ngoại của tỉnh theo vị trí việc làm và quy định của pháp luật.

Chương IX

CHẾ ĐỘ THÔNG TIN BÁO CÁO

Điều 32. Báo cáo từng hoạt động đối ngoại

1. Sau khi kết thúc một hoạt động đối ngoại (đón tiếp đoàn vào, tổ chức đoàn ra, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế, ký kết các thỏa thuận quốc tế, các vấn đề liên quan đến yếu tố nước ngoài...), trong thời gian 10 (mười) ngày, các cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức có trách nhiệm báo cáo kịp thời với UBND tỉnh (thông qua Sở Ngoại vụ) bằng văn bản theo quy định phân cấp tổ chức quản lý. Sở Ngoại vụ chịu trách nhiệm tổng hợp, theo dõi và báo cáo cơ quan có thẩm quyền.

2. Đối với cán bộ, Đảng viên sau khi kết thúc đợt công tác hoặc tiếp xúc với tổ chức, cá nhân người nước ngoài phải có báo cáo bằng văn bản với cấp ủy nơi sinh hoạt và cấp ủy có thẩm quyền quản lý cán bộ.

Điều 33. Báo cáo tình hình hoạt động đối ngoại định kỳ

1. Định kỳ từng quý và hàng năm; các cơ quan, đơn vị lập báo cáo tình hình hoạt động đối ngoại gửi Sở Ngoại vụ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

2. Các báo cáo định kỳ và báo cáo kết thúc dự án theo quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng viện trợ ODA, sử dụng viện trợ NGO.

3. Sở Ngoại vụ xây dựng các biểu mẫu báo cáo từng hoạt động và định kỳ, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị và tổ chức thống nhất thực hiện.

Chương X

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 34. Khen thưởng

Trong quá trình thực hiện, các đơn vị, cá nhân lập thành tích xuất sắc trong hoạt động đối ngoại có danh sách gửi Sở Ngoại vụ. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm tổng hợp, đề xuất báo cáo Hội đồng Thi đua khen thưởng tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 35. Xử lý vi phạm

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế này và các văn bản liên quan, các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có hành vi vi phạm, tùy theo mức độ và tính chất sẽ áp dụng các hình thức xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương XI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 36. Trách nhiệm của các ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức

1. Sở Ngoại vụ theo dõi việc thực hiện Quy chế này và các văn bản liên quan về công tác đối ngoại của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị và tổ chức liên quan thực hiện hiệu quả các nội dung hoạt động đối ngoại cụ thể được quy định tại Quy chế này.

2. Các cơ quan, đơn vị trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện Quy chế này; bố trí cán bộ lãnh đạo theo dõi công tác đối ngoại, triển khai hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

Điều 37. Sửa đổi và bổ sung quy chế

1. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật của cấp trên là căn cứ ban hành Quy chế này hết hiệu lực do có các văn bản mới thay thế hoặc được bổ sung, sửa đổi thì sẽ được sửa đổi, thực hiện theo các quy định mới nhất.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu phát hiện những bất cập, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị và tổ chức phản ánh kịp thời về Sở Ngoại vụ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vương Bình Thạnh

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quy chế quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh An Giang tại Quyết định số 21/2013/QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Mẫu 1: Bảng Báo cáo kết quả công tác đối ngoại địa phương năm.....

Mẫu 2: Bảng Kế hoạch Chương trình hoạt động đối ngoại năm.....

Mẫu 3a: Bảng Tổng hợp kinh phí tổ chức đoàn ra trong năm.....

Mẫu 3b: Bảng Tổng hợp kinh phí tổ chức đoàn vào trong năm.....

Mẫu 4a: Bảng Tổng hợp số liệu hoạt động đầu tư ra nước ngoài trong năm.....

Mẫu 4b: Bảng Tổng hợp số liệu tiếp nhận hỗ trợ của nước ngoài trong năm.....

TÊN CQ, TC CHỦ QUAN
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO

Kết quả công tác đối ngoại địa phương năm....

Kính gửi:.....

I. Tình hình và kết quả triển khai toàn diện công tác đối ngoại trong năm

1. Việc thực hiện quy chế quản lý thống nhất đối ngoại tại địa phương
2. Hiệu quả của các hoạt động đã triển khai
 - Mặt được
 - Mặt hạn chế
 - Khó khăn
 - Nguyên nhân
 - Các vấn đề đặt ra

II. Phương hướng công tác đối ngoại năm sau

1. Bối cảnh
2. Các trọng tâm công tác
3. Các điều kiện đảm bảo
4. Các đề xuất, kiến nghị
5. Biện pháp, giải pháp thực hiện

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các cơ quan liên quan;
- Lưu:...

(Ký tên, đóng dấu)

TÊN CQ, TC CHỦ QUAN
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

KẾ HOẠCH

Chương trình hoạt động đối ngoại năm.....

Kính gửi:.....

1. Tên hoạt động phát sinh
2. Lý do phát sinh hoạt động
3. Mục đích
4. Quy mô
5. Thời gian
6. Thành phần tham gia (nêu rõ thông tin về đối tác nước ngoài)
7. Kế hoạch triển khai
8. Kinh phí

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các cơ quan liên quan;
- Lưu:...

Tên cơ quan/tổ chức.....

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ TỔ CHỨC ĐOÀN RA TRONG NĂM.....

STT	Danh nghĩa Đoàn và tính chất hoạt động	Đến nước	Cấp Trưởng đoàn	Nội dung hoạt động và đối tác	Số thành viên Đoàn	Số ngày	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

Ghi chú:

1. Danh nghĩa Đoàn và tính chất hoạt động: thăm chính thức, thăm làm việc; nghiên cứu, khảo sát thực tế ở nước ngoài phục vụ nhu cầu công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; thực hiện chương trình, đề tài, dự án khoa học....

2. Đến nước: nước đến công tác theo lộ trình.

3. Cấp Trưởng đoàn: Chức vụ Trưởng đoàn dự kiến.

4. Nội dung hoạt động và đối tác: những nội dung làm việc chính; đối tác chủ yếu sẽ làm việc...

5. Số thành viên Đoàn: ghi rõ số lượng thành viên tham gia Đoàn dự kiến.

6. Số ngày: tổng số ngày ở nước ngoài, kể cả thời gian đi – về và quá cảnh.

7. Thời gian thực hiện: ghi cụ thể đến tháng.

8. Nguồn kinh phí: ghi rõ kinh phí triển khai lấy từ nguồn nào (Trung ương chi; cơ quan, tổ chức, địa phương chi; nước ngoài đài thọ; tài trợ của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước...).

Tên cơ quan, tổ chức....

**BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ TỔ CHỨC KẾ HOẠCH ĐOÀN VÀO
TRONG NĂM.....**

STT	Danh nghĩa Đoàn và tính chất hoạt động	Cơ quan, tổ chức, nước cử Đoàn	Cấp Trưởng đoàn	Cơ quan, tổ chức, chủ trì đón Đoàn, nội dung hoạt động chính	Số thành viên Đoàn	Số ngày	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí đón Đoàn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

Ghi chú:

1. Danh nghĩa Đoàn và tính chất hoạt động: thăm chính thức, thăm làm việc; nghiên cứu, khảo sát thực tế; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; thực hiện chương trình, đề tài, dự án khoa học...

2. Đến từ nước: ghi rõ tên cơ quan, tổ chức, nước cử Đoàn. Trường hợp đoàn vào thuộc tổ chức quốc tế thì ghi rõ nước đặt trụ sở.

3. Cấp Trưởng đoàn: chức vụ Trưởng đoàn dự kiến.

4. Cơ quan, tổ chức chủ trì đón Đoàn; nội dung hoạt động chính: tên cơ quan, tổ chức Việt Nam chủ trì đón đoàn. Những nội dung hoạt động chính của Đoàn trong thời gian ở Việt Nam.

5. Số thành viên Đoàn: ghi rõ số lượng thành viên Đoàn dự kiến.

6. Số ngày: tổng số ngày ở Việt Nam.

7. Thời gian thực hiện: ghi cụ thể đến tháng.

8. Nguồn kinh phí: ghi rõ kinh phí đón Đoàn lấy từ nguồn nào (Trung ương chi; cơ quan, tổ chức, địa phương chi; nước ngoài đài thọ; tài trợ của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước....).

Tên cơ quan/tổ chức.....

**BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI
TRONG NĂM...**

Số TT	Đơn vị chủ trì	Nội dung	Thời gian thực hiện	Chi phí năm	Địa phương, đơn vị tiếp nhận đầu tư	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Ghi chú:

1. Đơn vị chủ trì: tên cơ quan, đơn vị, tổ chức của tỉnh An Giang thực hiện các chương trình, dự án đầu tư, hỗ trợ ra nước ngoài.

2. Nội dung: nội dung chính của chương trình, dự án thực hiện ở nước ngoài.

3. Thời gian thực hiện: thời điểm bắt đầu và kết thúc của chương trình, dự án; ghi cụ thể đến tháng.

4. Chi phí năm: kinh phí trong năm hoặc dự toán kinh phí cho năm tiếp theo để thực hiện chương trình, dự án (tùy theo yêu cầu báo cáo).

5. Địa phương, đơn vị tiếp nhận đầu tư: nơi chương trình, dự án được triển khai, thực hiện.

Tên cơ quan/ tổ chức....

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU TIẾP NHẬN HỖ TRỢ CỦA NƯỚC NGOÀI TRONG NĂM...

TT	Tên chương trình/dự án	Tên cá nhân/tổ chức tài trợ	Hình thức hỗ trợ	Quốc gia	Thời gian thực hiện chương trình/dự án	Đơn vị quản lý/ thực hiện	Các hoạt động cụ thể	Đối tượng thụ hưởng	Văn bản pháp lí liên quan của chương trình/ dự án	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

Ghi chú:

1. Tên dự án: tên chính thức của chương trình/dự án bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh (nếu có).
2. Tên cá nhân/tổ chức tài trợ:
3. Hình thức hỗ trợ:
4. Quốc gia: nếu là cá nhân thì ghi theo quốc tịch của cá nhân đó, nếu là tổ chức thì ghi tên quốc gia mà tổ chức đăng ký hoạt động.
5. Thời gian thực hiện chương trình/dự án: thời điểm bắt đầu và kết thúc của chương trình, dự án; ghi cụ thể đến tháng.
6. Đơn vị quản lý/ thực hiện:
7. Các hoạt động cụ thể:
8. Đối tượng thụ hưởng:
9. Văn bản pháp lí liên quan của chương trình/dự án: